



Empowered lives.
Resilient nations.

CHỈ SỐ CÔNG LÝ

Thực trạng về
Công bằng và Bình đẳng
dựa trên ý kiến của người dân năm 2012

Hà Nội, tháng 7 năm 2013



Bản quyền © tháng 7 năm 2013

Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP)

25 - 29 Phan Bội Châu, Hà Nội, Việt Nam

Tất cả các quyền. Không có phần nào của ấn phẩm này được sao chép, lưu trữ, truyền tải dưới mọi hình thức, bằng bất kỳ phương tiện nào, điện tử, cơ khí, sao chép, ghi âm mà không có sự đồng ý của UNDP.

Các quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này là của các tác giả và không nhất thiết phải đại diện cho Liên Hợp Quốc, trong đó có UNDP hoặc bất kỳ thành viên nào của Liên Hợp Quốc.

Việc thiết và trình bày tài liệu này không có hàm ý thể hiện bất kỳ quan điểm nào của Ban thư ký Liên Hợp Quốc hoặc UNDP về tình trạng pháp lý của bất kỳ quốc gia, lãnh thổ, thành phố hoặc vùng đất hay thẩm quyền và những vấn đề liên quan đến việc phân định ranh giới giữa các quốc gia.

Thiết kế và trình bày: Phan Hương Giang/UNDP Viet Nam

In tại Việt Nam bởi Công ty in Phú Sỹ

Quyết định xuất bản số: 642/QĐ-NXBLĐXH - Số ĐKKHXB: 392-2013/CXB/17-52/LĐXH

CHỈ SỐ CÔNG LÝ

Thực trạng về **Công bằng và Bình đẳng**
dựa trên ý kiến của người dân năm 2012

LỜI CẢM ƠN

Chỉ số Công lý là kết quả quá trình hợp tác nghiên cứu giữa Hội Luật gia Việt Nam (VLA), Trung tâm Nghiên cứu Phát triển và Hỗ trợ Cộng đồng (CECODES) thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) từ năm 2010 cho tới nay. Các Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, chính quyền địa phương và người dân ở 21 tỉnh, thành phố nơi có tiến hành khảo sát đã tạo điều kiện cho công tác khảo sát thực địa.

Nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn ông Phạm Quốc Anh, ông Lê Minh Tâm, bà Lê Thị Kim Thanh ở Hội Luật gia Việt Nam về những hỗ trợ hiệu quả và tư vấn chiến lược trong suốt quá trình nghiên cứu. Xin chân thành cảm ơn và đánh giá cao hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu Phát triển và Hỗ trợ Cộng đồng, cụ thể là ông Đặng Ngọc Dinh, bà Lê Thị Nghệ, ông Phạm Minh Trí, các trưởng nhóm khảo sát, chuyên gia và cộng tác viên của Trung tâm trong công tác khảo sát và thu thập thông tin thực địa. Xin cảm ơn ông Nguyễn Quang Du, Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tạo điều kiện cho công việc khảo sát và hỗ trợ sát sao trong quá trình triển khai.

Đặc biệt xin cảm ơn 5045 người dân ở 21 tỉnh, thành phố nơi thực hiện khảo sát Chỉ số Công lý năm 2012 đã dành thời gian trả lời phỏng vấn, chia sẻ ý kiến và cung cấp thông tin cho nhóm nghiên cứu.

Báo cáo “Chỉ số Công lý – Thực trạng về Công bằng và Bình đẳng dựa trên ý kiến người dân năm 2012” được thực hiện bởi nhóm tác giả, đồng thời là các thành viên

nhóm nghiên cứu gồm Đặng Hoàng Giang, Lê Nam Hương, Nguyễn Đức Lam, Pierre F. Landry, Đậu Anh Tuấn và Nguyễn Hưng Quang¹.

Chỉ số Công lý nhận được sự hướng dẫn về chuyên môn và ý kiến hữu ích của Ban Tư vấn Chỉ số Công lý trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thiện báo cáo này. Xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới các thành viên Ban Tư vấn Chỉ số Công lý²:

- Ông Bakhodir Bukhanov, Phó Giám đốc Quốc gia, UNDP Việt Nam
- Ông Nguyễn Sĩ Dũng, Phó chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội
- Ông Nguyễn Công Hồng, Phó chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp của Quốc hội
- Bà Phạm Chi Lan, Chuyên gia kinh tế cao cấp, nguyên Phó chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
- Phó giáo sư, Tiến sỹ Phạm Duy Nghĩa, Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright, Khoa Luật, Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh
- Ông Nguyễn Văn Quyền, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban chỉ đạo Cải cách Tư pháp Trung ương
- Giáo sư, Tiến sỹ Lê Minh Tâm, Phó chủ tịch, Hội Luật gia Việt Nam

¹ Trật tự họ và tên nhóm tác giả được xếp theo thứ tự ABC.
² Trật tự họ và tên các thành viên Ban Tư vấn Chỉ số Công lý được xếp theo thứ tự ABC.

- Ông Đặng Hùng Võ, Chuyên gia phân tích chính sách, nguyên Thứ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường

Chỉ số Công lý đã nhận được sự hỗ trợ về chuyên môn và kỹ thuật của các nhà khoa học, các chuyên gia và đồng nghiệp trong nước và quốc tế. Xin ghi nhận và đặc biệt đánh giá cao những ý kiến góp ý của các chuyên gia: Kim Ngọc Bảo Ninh, Đặng Hợp, Nguyễn Tiến Lập, Lê Duy Bình, John Gillespie, Pip Nicholson, Mark Sidel, Võ Trí Hào, Đặng Minh Tuấn, Trịnh Tiến Dũng, Lưu Hoàng Hà, Phan Trung Hiền, Lê Thị Nguyệt Châu, Bùi Thị Bích Liên, Phan Cẩm Tú, Dương Thanh An, Lê Nết và Lê Đình Vinh, về việc xác định các tiêu chí đo lường chỉ số công lý cho phù hợp với bối cảnh phát triển ở Việt Nam.

Xin chân thành cảm ơn ông Christophe Bahuet, ông Nicholas Booth, ông Jairo Acuna Alfaro và bà Patricia Barandun ở UNDP đã có những ủng hộ và hỗ trợ cho việc tổ chức triển khai nghiên cứu. Đặc biệt cảm ơn các chuyên gia Phạm Duy Nghĩa, Lê Minh Tâm, Chu Hồng Thanh, Đặng Hùng Võ, cùng toàn thể các thẩm phán từ các toà án tỉnh, lãnh đạo các sở tư pháp, các luật gia của hội luật gia các tỉnh và chuyên gia ở các cơ quan của Quốc hội đã về dự Hội thảo tham vấn Báo cáo Chỉ số Công lý tổ chức ngày 12 tháng 8 năm 2013, về những góp ý cụ thể và hữu ích cho bản dự thảo tiếng Việt của báo cáo. Phạm Thị Liên Phương, Đỗ Thị

Thanh Huyền ở UNDP đã hỗ trợ nhiệt tình và kịp thời trong việc đọc và góp ý cho bản dự thảo tiếng Việt của báo cáo. Nguyễn Việt Cường ở Đại học Kinh tế Quốc dân trong việc bổ sung số liệu phân tích thống kê so sánh Chỉ số Công lý với Chỉ số Hiệu quả và Quản trị hành chính công cấp tỉnh 2012, và Chỉ số Cạnh tranh Cấp tỉnh 2012.

Cuối cùng, xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ kịp thời và hiệu quả của các phiên dịch Nguyễn Thị Thu Hằng, Trần Minh Thư và Nguyễn Thanh Thủy, những người đã giúp chuyển ngữ các phần bản thảo từ tiếng Việt sang tiếng Anh và ngược lại. Cảm ơn Giáo sư Penelope (Pip) Nicholson, và Samantha Hinderling đã giúp đọc và chỉnh sửa tiếng Anh của bản thảo báo cáo cuối cùng. Thiếu sót nếu có trong quá trình nghiên cứu và nội dung báo cáo là hoàn toàn thuộc về trách nhiệm của nhóm nghiên cứu.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	5
Hình.....	9
Bảng.....	11
Hộp.....	12
Bản đồ.....	12
CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	13
TÓM TẮT BÁO CÁO.....	15
GIỚI THIỆU.....	19
CHƯƠNG 1	
QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHỈ SỐ CÔNG LÝ.....	20
1.1. Sự cần thiết đo lường đảm bảo công lý cho người dân.....	1
1.2. Các quan điểm xây dựng chỉ số công lý.....	5
1.3. Chỉ số Công lý năm 2012.....	6
CHƯƠNG 2	
PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT.....	10
2.2. Thực hiện khảo sát thực địa.....	13
CHƯƠNG 3	
CÔNG BẰNG VÀ BÌNH ĐẲNG TRÊN THỰC TẾ.....	14
Giới thiệu về số liệu và phương pháp phân tích tổng quát.....	15
3.1. Khoảng cách trong bảo đảm công bằng, bình đẳng.....	16
3.2. Tranh chấp và khiếu kiện – Hiện trạng và thách thức.....	24
3.3. Phương thức giải quyết tranh chấp của người dân.....	30
3.4. Kết quả giải quyết tranh chấp.....	36
3.5. Đánh giá của người dân về thể chế công quyền.....	37
Tóm tắt.....	39
CHƯƠNG 4	
CHỈ SỐ CÔNG LÝ 2012.....	42
Phương pháp xây dựng Chỉ số Công lý.....	43
TRỰC NỘI DUNG 1: KHẢ NĂNG TIẾP CẬN.....	45

1.1. Tiếp cận thông tin pháp luật	45
1.2. Sẵn có các dịch vụ pháp lý cơ bản.....	47
1.3. Khả năng chi trả	50
TRỰC NỘI DUNG 2: CÔNG BẰNG.....	52
2.1. Bảo đảm bình đẳng trước pháp luật	52
2.3. Giải quyết kịp thời các khiếu nại hành chính	56
TRỰC NỘI DUNG 3: LIÊM CHÍNH.....	57
3.1. Kiểm soát tham nhũng trong lĩnh vực tư pháp	58
3.2. Phong cách, thái độ chuyên nghiệp.....	60
3.3. Cơ chế giám sát hoạt động tư pháp	61
TRỰC NỘI DUNG 4: TIN CẬY VÀ HIỆU QUẢ	63
4.1. Rõ ràng về thủ tục	63
4.2. Tin tưởng vào các định chế nhà nước	64
4.3. Hiệu quả giải quyết tranh chấp	67
TRỰC NỘI DUNG 5: BẢO ĐẢM CÁC QUYỀN CƠ BẢN	68
5.1. Hiểu biết về các quyền cơ bản.....	69
5.2. Cơ chế bảo vệ quyền	70
5.3. Bảo đảm các quyền cơ bản trên thực tế.....	72
KẾT QUẢ TỔNG HỢP 5 TRỰC NỘI DUNG	75
6.1. Kết quả tổng hợp Chỉ số Công lý	75
6.2. So sánh kết quả tổng hợp theo trực nội dung.....	76
6.3. Chỉ số Công lý có phân tích hệ số của 21 địa phương	77
6.4. Chỉ số Công lý trong tương quan với các chỉ số quản trị địa phương khác	80
CHƯƠNG 5	
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	84
5.1. Kết luận	85
5.2. Khuyến nghị chính sách.....	87
5.3. Khuyến nghị về sử dụng kết quả Chỉ số Công lý.....	87
PHỤ LỤC 1: Khung chỉ số	89
PHỤ LỤC 2: Đặc điểm mẫu khảo sát	93
PHỤ LỤC 3: Phương pháp tính chỉ số công lý	95
TÀI LIỆU THAM KHẢO	101

HÌNH

Hình 1: Bảo đảm quyền trên thực tế theo nhóm xã hội	20
Hình 2: Phân biệt đối xử trên thực tế.....	21
Hình 3: Nguồn thông tin pháp luật.....	23
Hình 4: Loại tranh chấp phổ biến theo nhóm xã hội_số liệu năm 2011.....	25
Hình 5: Các vấn đề tranh chấp lao động.....	26
Hình 6: Các vấn đề tranh chấp đất đai	27
Hình 7: Tranh chấp kinh tế: thương nhân_nhà nước.....	29
Hình 8: Tranh chấp kinh tế giữa các thương nhân.....	29
Hình 9: Phương thức hành động khi có tranh chấp.....	31
Hình 10: Cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tiếp cận_tổng thể	33
Hình 11: Cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tiếp cận_so sánh.....	35
Hình 12: Kết quả giải quyết tranh chấp.....	36
Hình 13: Kết quả giải quyết khiếu nại về chính sách xã hội.....	37
Hình 14: Thời gian giải quyết yêu cầu của người dân	38
Hình 15: Thái độ và phong cách cán bộ khi xử phạt vi phạm giao thông	39
Hình 16: Mối tương quan giữa các chỉ số thành phần_theo phương pháp phân tích hệ số	45
Hình 17: Lý do chưa có GCNQSDĐ	50
Hình 18: Trục nội dung 1 - Khả năng tiếp cận.....	52
Hình 19: Phương án giải quyết tranh chấp lao động – trải nghiệm thực tế.....	53
Hình 20: Phương án giải quyết tranh chấp lao động – tình huống giả định.....	53
Hình 21: Trục nội dung 2 - Công bằng.....	57
Hình 22: Giám sát của HĐND về giải quyết khiếu nại	62
Hình 23: Trục nội dung 3 – Liêm chính.....	63
Hình 24: Trục nội dung 4 - Tin cậy và hiệu quả.....	68

Hình 25: Quyền bầu cử.....	71
Hình 26: Kỳ vọng của người dân vào sửa Hiến pháp.....	72
Hình 27: Trục nội dung 5 Bảo đảm các quyền cơ bản	75
Hình 28: Kết quả tổng hợp 5 Trục nội dung có phân tích hệ số	77
Hình 29: Biểu đồ hình sao về kết quả 5 trục nội dung theo tỉnh	79
Hình 30: Tương quan giữa Chỉ số Công lý 2012 và GDP 2011	80
Hình 31: Tương quan giữa PAPI 2012 và Chỉ số Công lý 2012.	80
Hình 32	81
Hình 33	81
Hình 34	82
Hình 35	82
Hình 36	83
Hình 37: Chỉ số theo phương pháp thống kê cộng tuyến tính	95
Hình 38: Chỉ số theo phương pháp phân tích hệ số của từng trục nội dung.....	96
Hình 39: Tương quan giữa JUPI 1 và JUPI 2.....	97
Hình 40: Mối tương quan giữa các trục nội dung theo JUPI 1	98
Hình 41: Mối tương quan giữa các trục nội dung theo JUPI 2	98
Hình 42: Kết quả chỉ số tổng hợp có tính hệ số và trọng số.....	99

BẢNG

Bảng 1: So sánh các đặc điểm nhân khẩu học chính của mẫu khảo sát Tổng điều tra dân số năm 2009, PAPI 2012 và Chỉ số Công lý 2012.....	12
Bảng 2: Sửa đổi Hiến pháp và sự tham gia của người dân.....	17
Bảng 3: Hiểu biết pháp luật.....	18
Bảng 4: Hiểu biết pháp luật phân tích theo nhóm xã hội_với các câu hỏi thường bị trả lời sai ..	18
Bảng 5: Bảo đảm các quyền cơ bản trên thực tế.....	19
Bảng 6: Ý kiến của các nhóm xã hội về phân biệt đối xử trên thực tế	21
Bảng 7: Nguồn thông tin thời sự, kinh tế xã hội.....	22
Bảng 8: Tiếp cận thông tin pháp luật theo nhóm xã hội.....	23
Bảng 9: Thống kê về tranh chấp phát sinh năm 2011	25
Bảng 10: Nguồn ô nhiễm	27
Bảng 11: Khiếu nại về thực hiện chính sách xã hội.....	29
Bảng 12: Phương thức hành động_tranh chấp đất đai.....	31
Bảng 13: Phương thức hành động_tranh chấp lao động.....	33
Bảng 14: Trục nội dung 1 - Khả năng tiếp cận.....	48
Bảng 15: Trục nội dung 2 - Công bằng.....	55
Bảng 16: Các chỉ số của trục nội dung 3 - Liêm chính.....	59
Bảng 17: Các chỉ số của trục nội dung 4 - Tin cậy và hiệu quả.....	66
Bảng 18: Hiểu biết về Hiến pháp và các quyền cơ bản.....	70
Bảng 19: Cơ chế bảo vệ quyền.....	73
Bảng 20: Bảo đảm quyền cơ bản trên thực tế	74
Bảng 21: So sánh kết quả các trục nội dung Chỉ số Công lý theo phương pháp cộng tuyến tính và phương pháp phân tích hệ số.....	76
Bảng 22: Đặc điểm thống kê của mẫu toàn quốc theo nhóm xã hội	93
Bảng 23: Đặc điểm mẫu theo tỉnh.....	93

HỘP

Hộp 1: Dữ liệu về ngành toà án	5
Hộp 2: Chỉ số Công lý.....	8
Hộp 3: Phân tích theo nhóm xã hội và thước đo.....	15
Hộp 4: Nguồn nhân lực - Theo thống kê của Bộ tư pháp tính tới tháng 9 năm 2012	24
Hộp 5: Tình huống giả định về tranh chấp đất đai.	32
Hộp 6: Tình huống giả định về tranh chấp lao động.....	32

BẢN ĐỒ

Bản đồ 1: 21 tỉnh tham gia khảo sát Chỉ số Công lý 2012.....	78
--	----

CÁC TỪ VIẾT TẮT

BTC	Bộ Tài chính
BTP	Bộ Tư pháp
BLĐT BXH	Bộ Lao động thương binh xã hội
BTNMT	Bộ Tài nguyên môi trường
CECODES	Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng
GCNQSDĐ	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
HDI	Chỉ số Phát triển con người
HLG/VLA	Hội Luật gia Việt Nam
JUPI	Chỉ số Công lý
NHTG	Ngân hàng Thế giới
PAPI	Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh
PCI	Chỉ số Cạnh tranh cấp tỉnh
QH	Quốc hội
TANDTC	Toà án nhân dân Tối cao
TCTK	Tổng cục thống kê
UBND	Ủy ban nhân dân
UBTVQH	Ủy ban Thường vụ Quốc hội
UBVĐXH	Ủy ban các vấn đề xã hội
UNDP	Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc
VKHXHVN	Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

